TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 16-8-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Thông .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Đức Dũng.

- Bà Lê Thị Ngọc Lâm .

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thị Thu Nguyệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hằng - Kiểm sát viên;

Ngày 16/8/2024, tại 02 điểm cầu: *Điểm cầu trung tâm:* Phòng xét xử hình sự - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q và *Điểm cầu thành phần:* Nhà tạm giữ Công an huyện T. Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Q, xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hồng N**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1993, tại tỉnh Q; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Thẻ CCCD: 051093010456, cấp ngày 24/5/2023; con ông Lê Hồng S, sinh năm 1960, con bà Trương Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự; Bị cáo Lê Hồng N, bị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định xử phạt hành chính số: 01/QĐ-XPHC ngày 22/3/2024 bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, hiện bị cáo chưa chấp hành. Hành vi này được sử dụng định tội.

Bị cáo bị, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng Na, bà Võ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982. Vắng mặt có lý do

2. Bà Võ Thị Th, sinh năm 1983. Vắng mặt có lý do

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Vắng mặt có lý do

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/3/2024, Lê Hồng N mượn xe đạp của bà Lê Thị Tr, địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q, để đi dạo chơi và được bà Tr đồng ý cho mượn xe. Sau đó Na đạp xe đi từ nhà đến xã N, huyện T, tỉnh Q. Trên đường đi xe đạp bị hư, nên N dựng xe trên đường và đi bộ được khoảng 150 mét thì phát hiện có 01 chiếc xe đạp mini màu hồng dựng tại sân nhà của ông Nguyễn Văn Th, tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q. Lúc này N quan sát không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp xe, N lén lút đi vào sân nhà dắt xe ra ngoài đạp về nhà. Khi đang đạp xe trên đường thì xe bị hư nên N bỏ lại trên đường. Na tiếp tục đi bộ được khoảng 200 mét thì phát hiện có 01 chiếc xe đạp màu bạc của bà Nguyễn Thị H dựng ở ngoài đường, sát sân nhà bà Hà, tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q. N quan sát xung quanh không có ai nên tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. N lén lút tới dắt chiếc xe đạp về để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi N đạp xe vừa trộm được trên đường, thì bị lực lượng Công an xã N phát hiện.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T. Kết luận: Giá trị của:

+ Xe đạp màu bạc, có giỏ đựng đồ bằng nhựa màu trắng phía trước xe, yên xe màu đen và ba ga sau bằng kim loại màu trắng, trên thân xe có dòng chữ Honda, tình trạng xe đã qua sử dụng, hoạt động bình thường là 300.000 đồng

+ Xe đạp mi ni, màu hồng, có giỏ đựng đồ bằng nhựa màu kem phía trước xe, yên xe màu hồng, ba ga sau bằng kim loại màu bạc, trên thân xe có dòng chữ window, tình trạng xe đã qua sử dụng, hoạt động bình thường là 300.000 đồng.

- Tại kết luận giám định số: 455/KL-KTHS ngày 25/5/2024 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: Dữ liệu bên trong 01 USB màu trắng bạc, hiệu Kingston lưu trữ 03 tập tin video, sao chép 03 tập vào 01 đĩa DVD, 26 hình ảnh được trích xuất đưa vào 01 bản ảnh.

Cáo trạng số 29/CT-VKS-TN ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q. Truy tố Lê Hồng N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Phát biểu phân tích tính chất của vụ án, giữ nguyên Quyết định truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Hồng N khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo Lê Hồng N từ 09 đến 12 tháng tù.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất về tội danh, tình tiết áp dụng giảm nhẹ hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị. Tuy nhiên hiện nay cha mẹ bị cáo đau ốm, gia đình bị cáo diện hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo N từ tháng 06 đến 09 tháng tù.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa: Cha mẹ bị cáo đau ốm, gia đình thuộc diện hộ nghèo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ý kiến tranh luận của Viện kiểm sát không chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Thống nhất không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hồng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quang Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/3/2024, bi cáo Lê Hồng N mượn xe đạp của bà Lê Thị Tr đến xã N, huyện T, tỉnh Q, để trộm cắp cụ thể: 01 chiếc xe đạp mini màu hồng của ông Nguyễn Văn Th dựng tại sân nhà, dắt xe ra ngoài đạp về nhà. Khi đang đạp xe trên đường thì xe bị hư bị cáo bỏ xe trên đường và đi bộ được khoảng 200 mét, bị cáo tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe đạp màu bạc của bà Nguyễn Thị H dựng ở ngoài đường, sát sân nhà bà H.

Hành vi của bị cáo Lê Hồng N trộm cắp tài sản gồm 02 chiếc xe đạp. có giá trị 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Tuy giá trị 02 chiếc xe đạp chưa đủ định lượng, nhưng bị cáo có 01 tiền sự, đã bị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định xử phạm hành chính số: 01/QĐ -XPHC ngày 22/3/2024 bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, hiện bị cáo chưa chấp hành. Như vậy, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Hồng N về tội"Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Lê Hồng N đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Nhưng vì tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền phục vụ thỏa mãn cho bản thân, lười lao động, ham chơi, nên lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu không quản lý tài sản, nên bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Hồng N là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng mất trật tự trị an và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo trộm cắp, hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật. Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi

do bị cáo gây ra, nhằm răn đe và giáo dục bị cáo tiến bộ. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện giáo dục bị cáo khi trở về địa phương là người công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối với bà Lê Thị Tr cho bị cáo N mượn xe để đi, bà Tr không biết bị cáo sử dụng làm phương tiệm để đi trộm cắp. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không xem xét là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về vật chứng có liên quan đến vụ án:* Cơ quan Cảnh sát Công an huyện T đã trả lại 01 chiếc xe đạp mini màu xanh dương cho bà Lê Thị Tr; 01 chiếc xe đạp màu bạc cho ông Nguyễn Văn Th; 01 chiếc xe đạp mi ni, màu hồng cho bà Nguyễn Thị H. Các ông, bà đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của người bào chữa về tội danh, mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, thuộc diện hộ nghèo là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí**:** Bị cáo Lê Hồng N thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.
không phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hồng N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 - 3 - 2024.

Tiếp tục tạm giữ, tạm giam, bị cáo Lê Hồng N để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí**:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hồng N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ vào các Điều 331, 333; 336 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.
- VKSND tỉnh Q.
- VKSND huyện T.
- Cơ quan CSĐTCông an huyện T.
- Cơ quan THAHS Công an huyện T.
- Chi cục THADS huyện T.
- Sở Tư pháp tỉnh Q.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Thông